

BIỂU MẪU 2. ĐỐI VỚI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ
Đề cương báo cáo sơ kết Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp
các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg
ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số: _____/BYT-CDS ngày _____ tháng _____ năm 2024 của Bộ Y tế)

Các tỉnh/thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN VÀ CHỈ TIÊU HÀNG NĂM

Căn cứ các văn bản chương trình/kế hoạch của địa phương thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch thực hiện công tác dân số hàng năm, các tỉnh, thành phố báo cáo việc xác định mục tiêu mức sinh đến năm 2025, 2030 và thực hiện giao chỉ tiêu các mức sinh hàng năm giai đoạn 2020-2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền

1.1. Kết quả đạt được

Các tỉnh/TP báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp theo nội dung tại khoản 1, mục II. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Điều 1 Quyết định 588/QĐ-TTg. Trong đó, lưu ý báo cáo chi tiết kết quả triển khai các nội dung sau:

- Tiếp tục quán triệt việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sinh ít con hơn ở những địa phương có mức sinh còn cao, duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế, sinh đủ hai con ở những nơi có mức sinh thấp

- Đánh giá hiện trạng và xu hướng mức sinh của địa phương; xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể về việc điều chỉnh mức sinh của địa phương cho từng giai đoạn cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế - mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh hai con;

- Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra; đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương trong từng thời kỳ.

- Ban hành quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong

thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc; gắn kết quả thực hiện các mục tiêu điều chỉnh mức sinh được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là những người đứng đầu.

1.2. Tồn tại, hạn chế

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

2.1. Kết quả đạt được

Các tỉnh/TP báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp theo nội dung tại khoản 2, mục II. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Điều 1 Quyết định 588/QĐ-TTg. Trong đó, lưu ý báo cáo chi tiết kết quả triển khai các nội dung sau (*nội dung tuyên truyền, vận động? hình thức? phương thức? thời gian? tần suất? số lượng? đối tượng?*):

- Các hoạt động tuyên truyền nội dung chuyển hướng chính sách công tác dân số từ tập trung vào nỗ lực giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi cả nước và thực hiện “vận động sinh ít con hơn ở nơi mức sinh còn cao, duy trì ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế và sinh thêm con ở những nơi mức sinh đã xuống thấp” (sự kiện truyền thông, tuyên truyền; phóng sự, bản tin; chuyên trang, chuyên mục; ấn phẩm truyền thông, vận động...);

- Xây dựng, phát triển hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền vận động cho từng khu vực có mức sinh khác nhau;

- Các hoạt động tuyên truyền, vận động phù hợp với văn hóa, tập quán, từng nhóm đối tượng và từng vùng mức sinh như tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ; tuyên truyền, vận động trực tiếp các đối tượng tại hộ gia đình, cộng đồng; các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông; truyền thông, vận động đối tượng đặc thù; sản xuất, nhân bản các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thông; cung cấp các tài liệu, ấn phẩm truyền thông; tổ chức các loại hình văn hóa, văn nghệ quần chúng;...

- Triển khai chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường trong tình hình mới: xây dựng, cập nhật chương trình, tài liệu; tập huấn, đào tạo; thí điểm, mở rộng triển khai;...

- Triển khai các chương trình, khóa học trước khi kết hôn về hôn nhân và gia đình, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, quản lý tài chính gia đình...

Đánh giá nêu bật những kết quả đã đạt được về tính thường xuyên, liên tục của hoạt động; đổi mới nội dung phù hợp với tình hình mới; đa dạng các hình thức đảm bảo tiếp cận thông tin kịp thời...

2.2. Tồn tại, hạn chế

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

3.1. Kết quả đạt được

Các tỉnh/TP báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp theo nội dung tại khoản 3, mục II. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Điều 1 Quyết định 588/QĐ-TTg. Trong đó, lưu ý báo cáo chi tiết kết quả triển khai các nội dung sau:

a) Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích hiện hành trên phạm vi toàn quốc: hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số, hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD cho người dân có nhu cầu thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách?

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích tại những tỉnh, thành phố có mức sinh thấp và thay thế:

- Rà soát, bãi bỏ các chính sách khuyến khích sinh ít con ở vùng mức sinh thấp và vùng mức sinh thay thế. Từng bước ban hành, thực hiện các chính sách khuyến khích sinh đủ hai con áp dụng cho các gia đình, cộng đồng:

+ Bãi bỏ các quy định của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cộng đồng liên quan đến mục tiêu giảm sinh, tiêu chí giảm sinh con thứ 3 trở lên,...

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con như: hỗ trợ, tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sau sinh, phòng chống suy dinh dưỡng,...

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các chính sách về lao động, việc làm, nhà ở; phúc lợi xã hội; giáo dục,... chú trọng các đối tượng ưu tiên, người lao động khu công nghiệp, khu kinh tế để khuyến khích sinh đủ hai con tại địa phương;

+ Xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp khuyến khích gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con.

- Thí điểm và từng bước mở rộng các biện pháp hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh đủ hai con ở vùng mức sinh thấp:

+ Hỗ trợ để tạo môi trường nam, nữ thanh niên kết bạn, hẹn hò và tiến tới hôn nhân, khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi,...

+ Xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ;

+ Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con;

+ Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con.

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích tại những tỉnh, thành phố có mức sinh cao:

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích hiện hành như khuyến

khích các cặp vợ chồng, gia đình, tập thể, cộng đồng không có người sinh con thứ ba trở lên;

- Chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD cho mọi người dân có nhu cầu trên địa bàn tỉnh? Bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình,...?

- Ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của địa phương để thực hiện cuộc vận động “Dừng lại ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”;

- Xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp khuyến khích gia đình, cặp vợ chồng “Dừng lại ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”....

3.2. Tồn tại, hạn chế

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ liên quan

4.1. Kết quả đạt được

Các tỉnh/TP báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp theo nội dung tại khoản 4, mục II. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Điều 1 Quyết định 588/QĐ-TTg. Trong đó, lưu ý báo cáo chi tiết kết quả triển khai các nội dung sau:

- Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn.

- Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

- Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo: Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

4.2. Tồn tại, hạn chế

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác: Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; Nghiên cứu khoa học

5.1. Kết quả đạt được

Các tỉnh/TP báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp theo nội dung tại khoản 5, mục II. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Điều 1 Quyết định 588/QĐ-TTg. Trong đó, lưu ý báo cáo chi tiết kết quả triển khai các nội dung sau:

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng;

- Nghiên cứu khoa học và hệ thống tin quản lý;

- Hợp tác quốc tế;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá.

5.2. Tồn tại, chế

6. Kinh phí thực hiện Chương trình

ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được
2. Tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (khách quan, chủ quan)
4. Bài học kinh nghiệm

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình đến năm 2030.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Lưu ý:

- Kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan có thẩm quyền các cấp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình;

- Lưu ý đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn năm 2025 đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

PHỤ LỤC

**Báo cáo sơ kết Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp
các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày
28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ**

(Kèm theo Công văn số: _____ /BYT-CDS ngày _____ /11/2024 của Bộ Y tế)

1. Tổng hợp văn bản chỉ đạo điều hành Chương trình

TT	Cơ quan ban hành	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành	Tên đầy đủ của văn bản	Tóm tắt nội dung liên quan đến chính sách
I	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân			
II	Văn bản của Ủy ban nhân dân			

2. Biểu kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình (theo kế hoạch/chương trình của địa phương thực hiện Chương trình 588)

STT	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025
I.	Các chỉ tiêu về mức sinh theo kế hoạch/chương trình của địa phương giao						
1	Tổng tỷ suất sinh (TFR)						
2	CBR						
3	Chỉ tiêu điều chỉnh mức sinh (+/- CBR)						
4.	Các chỉ tiêu khác về mức sinh theo kế hoạch địa phương giao hàng năm (nếu có)						
II	Số liệu liên quan đến mức sinh						
1	Số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ						X
2	Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ hai con						X
3	Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên						X
4.	Số trẻ sinh ra trong năm						X
4.1.	Số trẻ sinh ra là con thứ 2						X
4.2.	Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên						X

3. Biểu tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động chủ yếu

STT	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024
I	Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền					
1	Số hội nghị, hội thảo phổ biến, chỉ đạo					
2	Số ấn phẩm tuyên truyền, vận động (ghi rõ từng loại)					
3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện					
...					
II	Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi					
1	Số sự kiện truyền thông					
2	Số phóng sự, bản tin trên phát thanh, truyền hình...					
3	Số chuyên trang, chuyên mục trên báo điện tử, báo viết					
4	Số ấn phẩm tuyên truyền, vận động được cung cấp (<i>ghi rõ loại gì?</i>)					
5	Số đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ DS-KHHGD					
6	Số ban, ngành, đoàn thể ký kết với Sở Y tế phối hợp triển khai Chương trình (<i>ghi rõ cơ quan, đơn vị</i>)					
7	Triển khai chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường trong tình hình mới.					
7.1.	Xây dựng, cập nhật chương trình, tài liệu (<i>ghi rõ?</i>)					
7.2.	Tập huấn, đào tạo (<i>ghi rõ nội dung tập huấn, đào tạo; đối tượng; số lớp/năm; số người tham gia/lớp/năm, đánh dấu X vào các năm triển khai ...</i>)					
7.3.	...					
8	Triển khai các chương trình, khóa học trước khi kết hôn					
8.1.	Chương trình/khóa học ...(<i>ghi rõ tên chương trình/khóa học, nội dung, đơn vị tổ chức, chi phí, đối tượng, số lượng học viên/năm, số lớp/năm, đánh dấu X vào năm triển khai...</i>)					

STT	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024
...	...					
III.	Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích					
1	Chính sách hỗ trợ, khuyến khích đang thí điểm, áp dụng (<i>ghi rõ nội dung chính sách, đối tượng tác động, ..., đánh dấu X vào các năm triển khai</i>)					
1.1.	Chính sách....					
...	...					
2	Mô hình can thiệp khuyến khích sinh con phù hợp tại từng vùng mức sinh (<i>ghi rõ tên mô hình, nội dung, đối tượng, địa bàn, đánh dấu X vào các năm triển khai</i>)					
2.1.	Mô hình...					
...	...					
IV.	Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ liên quan					
	Báo cáo các hoạt động, loại hình, mô hình cung cấp dịch vụ về KHHGD/SKSS và các dịch vụ liên quan					
1	Chiến dịch...(ghi rõ tên, địa bàn, đối tượng, ghi số đợt vào các năm triển khai)					
2	Mô hình...(ghi rõ tên, địa bàn, đối tượng, đánh dấu X vào các năm triển khai)					
3	Hoạt động ...(ghi rõ tên, địa bàn, đối tượng, đánh dấu X vào các năm triển khai hoặc số đợt triển khai trong năm)					
	...					
V	Các nhiệm vụ và giải pháp khác: Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; Nghiên cứu khoa học					
1	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng (ghi rõ: nội dung đào tạo, đơn vị đào tạo, đối tượng đào tạo, thời gian, số lượng lớp, số lượt tham gia?)					
1.1.	Tập huấn....					
2	Số cuộc đánh giá, thu thập thông tin có liên quan đến mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng					

4. Kinh phí thực hiện Chương trình (triệu đồng)

STT	Nội dung	Giai đoạn 2020-2030	Giai đoạn 2020-2025	2020	2021	2022	2023	2024
1	Tổng kinh phí đầu tư cho Chương trình Dân số của địa phương							
2	Kinh phí thực hiện Chương trình 588 từ NSDP, trong đó chi:							
2.1.	Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền							
2.2.	Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi							
2.3.	Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích							
2.4.	Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ liên quan							
2.5.	Các nhiệm vụ và giải pháp khác: Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; Nghiên cứu khoa học							
2.6.	Kinh phí mua PTTT miễn phí							
3	Nguồn khác (ghi rõ nguồn và nội dung chi)							